TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:155/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018
V/v tranh chấp"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,TỈNH KHÁNH HÒA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông **Ngô Tiến Thành**
2.Ông **Nguyễn Ngọc Ngân**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*
Bà **Lê Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 544/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy T** Sinh năm: 1976
Trú tại:120 B, phường T, Nha Trang
Có mặt.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim H** Sinh năm: 1975
Trú tại:151/1 L, phường N, Nha Trang
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Nha Trang vào năm 2000. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê Duy T sinh ngày 07/10/2001. Ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo các yêu cầu trong các văn bản tố tụng, nên trong hồ sơ không thể hiện lời khai của bà Lê Thị Kim H.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T; Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyễn Duy T sinh ngày 07/10/2001 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tuyên về án phí: Ông T chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy địnhvà quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng *Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa* nhưng bị đơn vẫn không có mặt theo các yêu cầu trong các văn bản tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

{2} Về quan quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị Kim H tự nguyện kết hôn tại UBND phường T, thành phố Nha Trang vào ngày 31/8/2000, theo giấy chứng nhận kết hôn số 107/2000, quyển số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông T, trong quá trình chung sống giữa ông và bà H thường xuyên bất đồng quan điểm, xãy ra xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn được. Mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn không có mặt. Đã có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Duy T.

{3}Về con chung: Ông T và bà H có 01 (một) con chung là Nguyễn Lê Duy T sinh ngày 07/10/2001. Ông T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với cha là ông T khi cha mẹ ly hôn. Trên cơ sở yêu cầu của ông T, xét hoàn cảnh hiện tại và công việc, thu nhập hàng tháng của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Lê Thị Kim H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

{4}Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

{5}Về án phí: Ông Nguyễn Duy T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Duy T

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T được ly hôn với bà Lê Thị Kim H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Lê Duy T sinh ngày 07/10/2001 cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị Kim H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008864 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về kháng cáo: Ông Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Lê Thị Kim H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND phường T, TP.Nha Trang (Số:107/2000, quyển số 01);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hương